

07/01/2009

Trong thế giới các ngành khoa học, những gì liên quan đến khái niệm về biến đổi, tiến bộ biến đổi, động lực học tiến bộ biến đổi, và các hệ thống, đều thuộc về động lực học (dynamics). Và cho đến khi máy tính điện tử trở thành công cụ đắc lực trong thiết yếu, công nghệ và sự kiện là thế giới thực – tự nhiên hoặc nhân tạo – có đặc tính phi tuyến, lĩnh vực động lực học phi tuyến (nonlinear dynamics), và song song với nó là hỗn loạn học (chaos), bắt đầu phát triển mạnh mẽ. Dĩ nhiên là động lực học phi tuyến và hỗn loạn học(1) đã có chân vững chắc trong các lĩnh vực truy cập thông tin như khí học, vật lý học, và hóa học, nhưng nó cũng đã tìm ra được chỗ đứng vững chắc trong các ngành khoa học như sinh vật học, sinh thái học, xã hội học và kinh tế học. Điều đáng chú ý là lĩnh vực động lực học phi tuyến và hỗn loạn học là những gì ta có thể đánh giá về những biến cách thức phân tích định tính (qualitative analysis). Thông qua đồ thị không gian trạng thái (state space), những gì ta có thể biết được khuynh hướng của biến đổi đã và đang [và sẽ] diễn tiến như thế nào để từ đó có thể đưa ra dự đoán thích hợp nếu cần. (Nếu thêm trục thời gian – mặt số vị trí không dừng yên mà biến đổi theo thời gian – đồ thị đi của số vị trí sẽ càng thêm rõ nét.) Mặt số vị trí trong thế giới này không có gì là đặc biệt: trong cái này có cái kia; trong hỗn loạn có trật tự và trong trật tự có hỗn loạn; trong thế giới êm dịu của khu rừng Amazone ở Nam Mỹ có chứa các tác nhân khuỷu động nên chuyển cái đẹp cánh nhò nhàng của mặt con bướm là từ đó có thể tạo nên cơn bão khủng khiếp ở Trung Quốc. Đó chính là triết lý đặc đáo của hỗn loạn học. Và để đánh giá rồi đưa ra chuyển biến về những vấn đề thì việc phân tích chất lượng là điều cần thiết phải có.

Giáo dục cũng vậy; đây là một hệ thống phức tạp gồm nhiều thành phần liên kết với nhau. Thành ra, để có thể phát triển giáo dục cho tốt đẹp, cách thức quản lý và chất lượng cần được đưa cao hơn là quản lý thiên về số lượng. Cần nói thêm là tôi không có khả năng bàn về hệ thống giáo dục mặt cấp mà chỉ có thể giới hạn trong giáo dục đời sống (và sau đời sống). Hơn nữa, để có thể bàn về những gì cần cho việc cải thiện giáo dục đời sống thì, theo tôi, ta cần bàn trước hết về tổ chức hệ thống giáo dục đời sống, hay nói cho vắn vỏi là văn hóa tổ chức, và vì trọng tâm đặt nặng về chất lượng.

Dĩ nhiên là khi muốm cải thiện hệ thống giáo dục đời sống, ta nên tham khảo những mô hình khác nhau trên thế giới. Mô hình mà nhiều nước tham khảo là mô hình Mỹ. Sự thành công về giáo dục đời sống của những nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore chắc chắn là có dựa theo không nhiều thì ít mô hình của Hoa Kỳ. Bản thân tôi không biết nhiều về mô hình Mỹ, mà chỉ có thể trình bày về mô hình Canada là nơi tôi đã học tập và sinh sống trong một thời gian dài. Ngay cả như thế tôi cũng không dám nhận là mình biết đầy đủ về hệ thống giáo dục đời sống của Canada. Tuy nhiên, mô hình giáo dục đời sống của Canada cũng nên được chúng ta tham khảo vì Canada là một quốc gia có hệ thống giáo dục chất lượng cao và tiến bộ đáng thu hút nhất. Do

Canada chính thức dùng hai ngôn ngữ là Anh và Pháp nên ở đây tôi sẽ chọn một đại học Anh ngữ và một trường đại học Pháp ngữ: đó là Đại học McGill(2) (McGill University, www.mcgill.ca), đại học Anh ngữ tốt nhất của Canada, và Trường đại học Bách khoa Montréal(3) (Ecole Polytechnique de Montréal – EPM, www.polymtl

.ca), trường đại học Pháp ngữ mà tôi đã được chào đón sau đại học. Điều kiện là khuôn viên (campus) của hai đại học này đều nằm ở hai vị trí khác nhau trong thành phố Montreal.

Canada là một quốc gia theo thể chế liên bang; lãnh thổ được chia thành các tỉnh bang và vùng đất. Giáo dục ở Canada không thuộc trách nhiệm của chính phủ liên bang mà thuộc trách nhiệm của chính quyền mỗi tỉnh bang. Tuy nhiên, hệ thống giáo dục của mỗi tỉnh bang có thể khác nhau nhưng sẽ khác biệt này không đáng kể và không nhiều. Một một đại học của Canada đều từ quốc gia, và trường được tổ chức theo đúng ý nghĩa của một đại học theo hình thức sau: Đại học/ Trường đại học/ Khoa/ Bộ môn (University/ Faculty/ Department/ Division). Như vậy, mỗi đại học là một hình thức của nhiều trường đại học với mỗi trường là một ngành khoa học riêng biệt. Mỗi trường đại học lại là tập hợp của các khoa thuộc ngành khoa học của mình. Khi tham khảo giáo sư đoàn của mỗi khoa, ta thường thấy có 5 chức danh có từ “giáo sư”(4) như sau: emeritus professor, [full] professor (giáo sư), associate professor (phó giáo sư – theo cách gọi của VN), assistant professor, và adjunct professor(5). Tuy nhiên, trong các chức danh này, chỉ có ba chức danh full, associate và assistant professor(6) mới là “lỗi” của khoa và có công việc được định nghĩa rõ ràng là “giáo sư nghiệp vụ.” Emeritus professor là giáo sư danh dự, đã chính thức nghỉ hưu. Còn adjunct professor chỉ là giáo sư giảng dạy (có lẽ thường được gọi với senior lecturer), không có công việc định nghĩa, chỉ có một văn phòng (có điều kiện thoải mái), được chia sẻ phòng nghiên cứu khi làm nghiên cứu chung với các giáo sư nghiệp vụ, và không được một mình hướng dẫn học viên thạc sĩ và tiến sĩ mà chỉ được hướng dẫn chung với một giáo sư nghiệp vụ. Ngoài ra, giảng viên adjunct professor, ban đầu nhân sự giảng dạy của khoa còn có những chức danh khác như lecturer (giảng viên), [senior] research associate, associate member, research assistant, v.v.

Trường với chức danh giáo sư nghiệp vụ(7). Một người khi đã được nhận vào chức danh này sẽ được trường xác định rõ nhiệm vụ của một giáo sư là giảng dạy, nghiên cứu, và hỗ trợ cho công việc khoa học và xã hội. Trong ba nhiệm vụ này thì nghiên cứu thường được xem là nhiệm vụ quan trọng nhất nên mỗi giáo sư nghiệp vụ đều được tự do xin trợ cấp nghiên cứu và tìm kiếm việc với công nghiệp do trường quản lý. Nhiệm vụ giáo sư nghiệp vụ có thành tích tốt về nghiên cứu có thể kiếm được nhiều nguồn tài trợ nghiên cứu khác nhau, nhưng chủ yếu là do các chính phủ liên bang và tỉnh bang cấp theo hình thức xin tài trợ nghiên cứu. Đại với các assistant professor mới được nhận vào nhóm các giáo sư nghiệp vụ, quản lý nghiên cứu của trường chỉ được dùng để hỗ trợ các giáo sư này khi được các dự án nghiên cứu trong vòng 3 năm với khoảng 15.000 đô mỗi năm. Các học viên thạc sĩ [theo hướng nghiên cứu] và tiến sĩ được một giáo sư nghiệp vụ hướng dẫn thì tại thời điểm nhận được tiến sĩ nghiên cứu từ người hướng dẫn theo quy định của trường và thu nhập tại thời điểm bắt đầu công việc. Cũng vì nghiên cứu là điều kiện tiên quyết nên một assistant professor khi mới bắt đầu công việc giảng dạy trong đại học sẽ phải trải qua

Tôi đã trình bày ở trên cách thức tổ chức đời sống của Canada. Cách thức tổ chức này khá đơn giản nhưng hiệu quả, và trường nào đạt được những chất lượng trong quản lý thì khả năng phát triển bao giờ cũng cao hơn cả. Bây giờ xin có nhận xét về tổ chức giáo dục đời sống ở Việt Nam. Những nhận xét này đã đúng, cách thức tổ chức hoạt động giáo dục đời sống của VN khá lạc hậu với cách quản lý tiên tiến của thế giới. Chính điều đó làm cho các trường đời sống của VN khó có tên trong xếp hạng của thế giới. Tuy nhiên, do việc tổ chức giáo dục đời sống gồm nhiều khâu liên kết với nhau nên muốn nâng cao chất lượng tổ chức đời sống thì cần phải tổ chức lại các khâu một cách chuyên nghiệp (dĩ quản lý), rõ ràng và thức thực.

Thứ hai, cần xem trọng công việc quản lý trong đời học. Đây là chuyện có thể tốt và mất giá trị viên chính trong một trường học đời học là một “đứa a” lên làm hiệu trưởng (dĩ nhiên mới nghĩ ở đời bị lý do thì sao và đó là một đứa a lên làm hiệu trưởng.) Nhưng vì là hiệu trưởng mà chỉ là

giáo viên chính (cũng hiếm khi!) nên trong thời gian đầu đầu tư cần thiết, và hiểu rằng đó cũng đầu tư xứng đáng để tiếp tục giáo dục cho đất nước. Đây không phải là trường hợp duy nhất mà còn có một trường hợp khác cũng gặp gỡ nhau. Hiện nay, các công cụ làm việc của nhân viên ngoài và cả những người khác của mình đầu tư để đầu tư cho các công cụ và những phó khoa học của mình. Tôi hoàn toàn đồng ý với các công cụ còn lại và xong việc của nhân viên ngoài và làm việc trong các trường đại học vì họ đầu tư vào đào tạo bài bản hơn, mới hơn, năng động hơn, và đó có đầu tư của họ. Nhưng điều tôi lo là và xong việc của nhân viên ngoài thì kinh nghiệm giáo dục của họ, nghiên cứu khoa học của họ là một đầu tư (10), và nhất là của họ có kinh nghiệm quản lý thì họ có là “siêu nhân” mới làm tốt được tất cả mọi việc như vậy. Đây là một bài học của việc xem xét những quy luật. Nhưng đúng là các đại học VN hiện đang thiếu nhân lực thì đành phải chấp nhận giáo pháp này vậy.

Thứ ba, cần đặt nặng việc nghiên cứu thực chất trong đại học. Lâu nay, cách thức của đại học VN xem giáo dục là chính, nghiên cứu là phụ vì vốn dĩ “đầu tiên”(11) (“tiên đâu” mà làm?) Hiện nay, các trường đại học có tiền cho các tài liệu nghiên cứu như ngân sách trong việc đánh giá các tài liệu. Việc nghiên cứu tùy thuộc rất nhiều vào chất lượng (trình độ chuyên môn thực sự) của các trường đại học, chương trình và quy định về đào tạo sau đại học. Những người đã biết là chất lượng của giáo dục, chương trình và quy định về đào tạo sau đại học. Nhất là người đã biết là chất lượng của giáo dục và đại học của VN nói chung thấp hơn trung bình trên thế giới. Mà giáo dục quá nhiều thì giáo dục làm nghiên cứu? Chương trình đào tạo sau đại học thì thốt ra vốn còn khá cũ. Có trường hợp là môn học dành cho đại học và cao học đầu có nội dung giáo dục nhau (nghĩa là, đem cái của đại học dạy cho cao học.) Trong các trường đại học không thu phí, nên phân biệt là dạy đại học và cao học khác nhau về chất lượng cho đại học thì dạy và không thu phí và lý thuyết của họ [và mới], còn dạy cho cao học thì dạy và không thu phí và lý thuyết nâng cao. Vì vậy mà có những môn học như “đồng nghiệp của phi tuyến và hỗn loạn học” mà tôi trình bày ở đầu bài viết chỉ dành cho cao học. Bên Mỹ, quân đội bỏ ra rất nhiều tiền cho thực nghiệm. Sau thực nghiệm, có nhiều kết quả mà các quân sự không hiểu được nên đành phải bỏ tiền như các giáo sư trong đại học kiểm tra bằng lý thuyết. Vậy đó, lý thuyết cao cấp không đến gần và chỉ có môi trường đại học mới để các nhà nghiên cứu các lý thuyết cao cấp. Có nghiên cứu lâu dài thì các giáo sư mới nâng cấp được chuyên môn của mình, trong đó khâu đào tạo tiên sĩ là một khâu thiết yếu. Tôi đã có dịp quan sát một số buổi báo cáo tiên sĩ VN. Nói chung là tôi khá thất vọng. Nếu tôi có đưa ra chỉ tiêu đến năm nào đó sẽ sản xuất ra mấy chục ngàn tiên sĩ và cả chất lượng như hiện nay thì “thảm họa” cho nghiên cứu VN sẽ còn kéo dài. Xin đừng nghĩ là với chất lượng như vậy mà công nghệ là “[s]” là thành công [l] là.” Đào tạo sau đại học là một tài liệu nên nếu có dịp tôi sẽ quay lại.

Thứ tư, nhà nước không nên phong học hàm như lâu nay vốn làm mà nên để cho trường đại học đánh giá và xếp hạng danh cho nhân sự của mình theo quy chuẩn do Bộ GD-ĐT đưa ra (và Bộ kiểm tra.) Với các chức danh thì tôi nghĩ là VN nên học theo cách thức của thế giới. Tôi quen một assistant professor tại Trường đại học Bách khoa Silesia ở Ba-lan, và tình cờ biết được một người Viêt cũng là assistant professor tại một trường đại học ở Czech. Các nhà nước này hiện đang có ít giáo dục đại học của mình theo cách thức Mỹ. Tại VN, một phó khoa là tiên sĩ trẻ được đào tạo từ những người ngoài và có nhiều liên hệ với các đại học Hàn Quốc. Điều tiên việ giao tiếp, dù

chúng là giảng viên (lecturer), chúng ta cho ghi trên danh thiếp của mình là assistant professor(12). Nhưng tôi đã gặp thích trong phần trình bày về các chức đại học tại Canada, associate professor, assistant professor, adjunct professor và lecturer là những chức danh hoàn toàn khác nhau. Đã đến lúc Bộ GD-ĐT nên đánh giá lại tên gọi cho các chức danh, và các chức danh phải gắn cho riêng mỗi trường đại học.

Thậm chí, chúng ta: muốn chất lượng và liên quan đến ngành chuyên lý luận/ thu nhập. Ngành chuyên lý của và này là với luận thì sẽ ngay lập tức, còn với thu nhập thì sẽ ngược. Chính vì ngành chuyên lý này mà nhu cầu trong đại học cần ngày lo đi dạy(13) để tăng thêm suất nhu cầu cho thu nhập. Nói về luận thì luận cần với phần cấp của một chuyên môn, phó khoa và trường ngành khoa có thể cao hơn từ 2 đến 3 lần mức lương không giáo chức và nào cả. Và cần thêm việc dạy suất nhu cầu môn học thì chức cần tăng số tiền mà mức lương của họ và thu được số suất nhu cầu(14). Bây giờ, cho dù có tăng luận mà không giáo sư được và để họ dạy nhu cầu ngành ít thì ngành chuyên lý trên và trên thì dài dài.

Từ thập niên cuối thế kỷ trước cho đến nay, các báo cáo tại Canada và Mỹ cho thấy là trong thế giới công nghệ thông tin và truyền thông, thế thách với công nghệ - kỹ thuật chỉ vào khoảng 25%, còn 75% thế thách với quản lý mà chính là thế thách quản trị nhân tố. Cho nên các vị làm quản lý ở Bộ và Mỹ luôn tự nhắc đến câu răn: “Quản lý, quản lý, quản lý, kỹ thuật.” Điều này không chỉ đúng cho các doanh nghiệp mà còn cho các học viên. Nói ra điều này tôi chỉ mong là các vị làm quản lý và giáo dục đại học tại VN hãy để tâm cho công việc quản lý. Tuy nhiên, việc quản lý nên thiên về chất lượng thay vì số lượng. Do đó, tôi xin đưa câu răn trên thành: “Chất lượng, chất lượng, chất lượng, số lượng.” Nếu xem như quản lý và quản lý thiên về số lượng thì chúng cần biến như chúng theo thành tích học để trả số đại lương trên thì. Sau hết, mong là Bộ GD-ĐT sẽ đưa ra được những quy chuẩn thích hợp cho việc cấp và hệ thống giáo dục đại học. Làm được như vậy, số cấp và số như chất kích thích của mùa xuân làm cây giáo dục đại học đâm chồi phát triển.

1. Có nhu cầu cuốn sách viết về lĩnh vực hỗn loạn, những mặt trong những cuốn nên đưa là ORDER OUT OF CHAOS (Trật tự trong hỗn loạn) của Ilya Prigogine và Isabelle Stengers, Nxb. Bantam Books, New York, 1984. Gs. Ilya Prigogine, người Bỉ gốc Nga, đã lãnh giải Nobel năm 1977 cho công trình về nhiệt động học các hệ không cân bằng (thermodynamics of

nonequilibrium systems).

2. Theo xếp hạng của THE-QS thì Đại học McGill đứng thứ 12 năm 2007, còn năm nay thì xuống hạng 20.

3. Trường Đại học Bách khoa Montréal nằm trong khuôn viên (campus) của Đại học Montréal (Université de Montréal – U de M, www.umontreal.ca). THE-QS xếp U de M đứng thứ 93 năm 2007 và nhẩy lên bậc 91 năm 2008.

4. Tôi chưa thêm tiếng Việt các từ Anh ngữ cho những chức danh mà từ Việt Nam hiện đang dùng. Tuy nhiên, để cho tiện, trong bài viết tôi vẫn để nguyên Anh ngữ cho các chức danh.

5. Pháp ngữ tiếng Pháp gọi các chức danh này tại Canada là: professeur émérite, professeur titulaire, professeur agrégé, professeur adjoint, và professeur associé.

6. Tôi thích ba chức danh này dựa theo từ điển Anh ngữ Oxford: full professor (professeur titulaire) là giáo sư thỉnh thoảng; associate professor (professeur agrégé) – tính từ "associate" có nghĩa là "liên kết chuyên môn" – nên có thể gọi là giáo sư thỉnh thoảng hoặc giáo sư chính; assistant professor (professeur adjoint) – tính từ "assistant" có nghĩa là "hỗ trợ (phụ tá) cho người cấp trên mình" – đây mới đích thực là "phó giáo sư". Ông bạn giáo sư của tôi ở Hà Nội thích cho biết là VN không xem "assistant professor" là "giáo sư" (?) mà chỉ là "giảng viên chính" (senior lecturer), còn "phó giáo sư" nếu chuyển sang Anh ngữ là "associate professor." Đây là thói tùy tiện không nên có.

7. Nếu tôi là chủ đầu giáo sư nghiệp vụ chỉ dành cho ba chức danh: full, associate, và assistant professor.

8. Ông bạn giáo sư "già" của tôi ở EPM vẫn làm nhiệm vụ nghiên cứu nên mỗi năm dạy 2 môn cao học và chỉ 1 môn đại học, tính tổng cộng là 4,17 môn học tiếng Anh.

9. Thu nhập tăng thì tỉ lệ thu nhập phải đóng cũng tăng theo.

10. Nghiên cứu khoa học cần liên tục và dài hạn.

11. Cũng vì vậy nên đây, do nhu cầu nguyên nhân khác nhau, nên cho dù có quy định nào về việc nghiên cứu thì giới nghiên cứu vẫn là chính.

12. Tôi mất số nước, chúng ta nên nhớ, ghi chép danh không đúng để giúp đỡ và với pháp luật.

13. Các thầy cô VN thường nói vui: "Làm thầy mà không được dạy thì gọi là 'mất dạy'."

14. Tôi biết mất chỗ nhím bên môn (có vẻ với 2 con) học kỳ nào cũng dạy rồi thì nhu cầu nên mua chiếc xe ô tô láng bóng.